

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI BÌNH
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 91/2025/HSST

Ngày 27 - 6 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Khánh Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Phụng

2. Ông Nguyễn Thiện Lợi

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thảo Linh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Thái Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình tham gia phiên tòa:** Bà Ngô Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2025/HSST ngày 11 tháng 6 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 78/2025/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về việc thay đổi thời gian, địa điểm mở phiên tòa số 20/TB-TA ngày 25 tháng 6 năm 2025, đối với bị cáo:

Phạm Ngọc T, sinh ngày 05/11/1989; Nơi thường trú: thôn 9, xã V, huyện V1, tỉnh T1; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Quang T2 và bà Phạm Thị N; Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 132/2012/HSST ngày 13/8/2012 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T1 xử phạt 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong án phạt tù ngày 29/6/2014, chấp hành xong án phí ngày 04/12/2013, về trách nhiệm dân sự: bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường. Bản án số 72/2017/HSST ngày 18/5/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh T1 xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong án phạt tù ngày 08/11/2017, chấp hành xong án phí ngày 16/11/2017. Bản án số 21/2020/HSST ngày 12/5/2020 của Tòa án nhân dân huyện V1, tỉnh T1 xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, chấp hành xong án phạt tù ngày 13/12/2022, chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung ngày 14/8/2020; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12/4/2025 đến ngày 18/4/2025 chuyển tạm giam cho đến nay. Trích xuất, có mặt.

** Người chứng kiến:*

- Anh Nguyễn Văn T3, sinh năm 1973; Trú tại: thôn P, xã P1, thành phố T1, tỉnh T1. (*Vắng mặt*)
- Anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1971; Trú tại: thôn Đ 2, xã P1, thành phố T1, tỉnh T1. (*Vắng mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 00 phút ngày 12/4/2025, Phạm Ngọc T bắt xe ôm từ xã V, huyện V1, tỉnh T1 đến khu vực cầu T4 thuộc địa phận huyện H1, tỉnh T1 để tìm mua ma túy về sử dụng. Tại đây T gặp và mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ được 01 túi ma túy đá với giá 1.500.000 đồng, T cất giấu túi ma túy vừa mua được trong túi quần bên trái phía trước quần T đang mặc rồi đi nhờ xe của người đi đường để đi về thành phố T1. Khi về đến thành phố T1, tỉnh T1 thì T xuống xe rồi đi bộ tìm chỗ để sử dụng ma túy. Khoảng 18 giờ cùng ngày khi T đi bộ đến khu vực đường Đ1 thuộc thôn P, xã P1, thành phố T1, tỉnh T1 thì bị tổ công tác của Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an tỉnh Thái Bình phát hiện. Trước sự chứng kiến của anh Nguyễn Văn T3 và anh Nguyễn Xuân H, T tự giác lấy từ túi quần bên trái phía trước đang mặc ra giao nộp cho tổ công tác 01 túi nilon trong suốt có mép cài viền màu đỏ bên trong chứa chất dạng tinh thể trong suốt, T khai là ma túy đá vừa mua, mục đích để sử dụng cho bản thân. Tổ công tác niêm phong túi ma túy đá trong phong bì dán kín, trên mép dán có chữ ký của T và những người chứng kiến, tổ công tác đưa T và mời người chứng kiến về trụ sở Công an xã P1, thành phố T1 để làm việc. Tại trụ sở Công an xã, tổ công tác kiểm tra người T không phát hiện, thu giữ gì. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ theo quy định. Cùng ngày Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của T không phát hiện, thu giữ gì.

Bản kết luận giám định số 374/KL-KTHS ngày 16/4/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thái Bình, kết luận: “*Mẫu vật quản lý của Phạm Ngọc T gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng 2,0136 gam (Hai phẩy không nghìn một trăm ba mươi sáu gam). Methamphetamine STT: 247 Danh mục IIC phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 và Nghị định 90/2024/NĐ-CP ngày 17/7/2024 của Chính phủ*”

Bản Cáo trạng số 87/CT-VKSTPTB ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố Phạm Ngọc T về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Ngọc T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình giữ nguyên quan điểm đã truy tố trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; Về hình phạt: Áp dụng điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 35, Điều 50 Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt Phạm Ngọc T mức án tù 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 12/4/2025; Phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng - 7.000.000 đồng. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy còn lại hoàn trả lại sau giám định. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo đồng ý với tội danh mà Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình đã truy tố và không có ý kiến tranh luận đối với bản luận tội của Kiểm sát viên.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thái Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ kết tội đối với bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, truy tố; phù hợp với lời khai của người chứng kiến và còn được chứng minh bằng: Biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu và kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận: Vào hồi 18 giờ 00 phút ngày 12/4/2025, tại khu vực đường Đ1 thuộc thôn P, xã P1, thành phố T1, tỉnh T1, Phạm Ngọc T tàng trữ trái phép 2,0136 gam Methamphetamine, mục đích sử dụng cho bản thân. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất gây nghiện, ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự và an toàn xã hội, là nguyên nhân làm phát sinh các tệ nạn xã hội và các loại tội phạm khác. Bị cáo nhận thức đầy đủ về tính chất nguy hiểm cũng như hậu quả của hành vi do mình thực hiện, nhưng vẫn cố ý thực hiện tội phạm. Như vậy, hành vi trên của bị cáo đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, Cocaine, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3] Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình truy tố đối với bị cáo Phạm Ngọc T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự. Về nhân thân: Bị cáo đã 03 lần bị kết án trong đó có 01 lần bị kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy đến thời điểm phạm tội lần này tuy đã chấp hành xong và được xóa án tích nhưng xác định bị cáo là người có nhân thân xấu. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích và nhận định trên, căn cứ vào tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để cải tạo, giáo dục bị cáo, góp phần đấu tranh phòng ngừa chung. Bị cáo còn bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

[5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Số ma túy thu giữ trong vụ án còn lại sau giám định là chất thuộc danh mục Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu để tiêu hủy.

[6] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo khai mua của một người đàn ông khoảng 40 tuổi, không biết tên, địa chỉ tại khu vực cầu T4 thuộc địa phận huyện H1, tỉnh T1 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thái Bình không có căn cứ để điều tra, xử lý.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 1, khoản 5 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 50 Bộ luật Hình sự; Điều 106, Điều 136, Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc T phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ 12/4/2025.

Phạt bổ sung bị cáo 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 1,8817 gam Methamphetamine của bị cáo Phạm Ngọc T còn lại sau giám định được niêm phong trong phong bì số 374/KL-KTHS.

(Vật chứng đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình quản lý có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/6/2025).

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Ngọc T phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Phạm Ngọc T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 27/6/2025.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND TP. Thái Bình;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Chi cục THADS TP. Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình (PC10; PV06);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Khánh Linh